

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2026/HS-ST

Ngày: 28-4-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Châu Loan

Bà Phạm Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đình C**; sinh ngày 13-9-1991 tại tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân: 035091012718; nơi thường trú: **Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện tại: **Tổ dân phố D, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Đình T** và bà: **Nguyễn Thị P**; không có vợ, con; gia đình có 03 chị em bị cáo là con thứ 3; tiền án: Bản án số 105/2023/HS-ST ngày 23-11-2023, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong án phạt tù ngày 07-11-2024) (Tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng). Bản án số 67/2020/HS-ST ngày

24-11-2020, Toà án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong án phạt tù ngày 24-5-2022); tiền sự: không; nhân thân: ngày 12-4-2012, Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 30-4-2014, Công an xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 11-3-2015, Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10-6-2017, Công an huyện T, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 18-7-2017, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 11-12-2017, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 10-9-2018, Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam ra Quyết định “Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã” trong thời hạn 03 tháng, ngày 28-12-2018, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 06-5-2020, Công an xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16-01-2026 chuyển tạm giam ngày 22-01-2026 hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh N; có mặt.

- Bị hại: Chùa A; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tổng L, sinh năm 1974; chức vụ: Trụ trì chùa A; nơi thường trú: Thôn A, phường T, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 15-01-2026, Trần Đình C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 90B3 - 140.24 đi trên các tuyến đường thuộc địa phận phường T, tỉnh Ninh Bình với mục đích tìm kiếm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực chùa A thuộc tổ dân phố A, phường T, tỉnh Ninh Bình, C quan sát thấy chùa không có ai trông coi nên nảy sinh ý định đột nhập vào chùa để trộm cắp tài sản. C dựng xe ở bên trái cổng chùa rồi trèo tường vào trong đi vòng ra phía sau chùa trèo qua tường vào dãy nhà trong khuôn viên sinh hoạt của chùa. Thấy dọc hành lang có lắp đặt nhiều camera an ninh nên C quay lại theo lối cũ ra ngoài cổng chùa. Chiến quan sát thấy có 01 công tơ điện ở trên cột điện phía

trước cổng chùa nên trèo lên cột điện ngắt cầu dao điện để vô hiệu hoá camera an ninh. Sau đó, C trèo tường bao theo lối cũ quay lại khu vực khuôn viên sinh hoạt của chùa, thấy 01 thanh kim loại (dạng chốt cửa) dài 27cm đang cài trên cửa nhà vệ sinh của chùa, C cầm theo. Khi đi đến phòng viết số thấy cửa khoá ngoài, C sử dụng thanh kim loại bẩy làm bung móc khoá rồi đi vào phòng. Quan sát thấy 01 bàn làm việc có 02 ngăn tủ bên dưới bị khoá, trên bàn có sẵn 1 chiếc tua vít và 01 chiếc kéo, C dùng kéo và chiếc tua vít cạy mở cánh cửa tủ lấy 01 tập tiền gồm các tờ tiền với mệnh giá khác nhau rồi bỏ vào túi quần bên trái đang mặc. Sau đó, C đi ra ngoài cổng chùa theo lối cũ, trèo lên cột điện đóng lại cầu dao điện của chùa, rồi điều khiển xe mô tô về nhà. C lấy tập tiền ra kiểm đếm số tiền đã trộm cắp được là 15.500.000 đồng.

Đến 19 giờ 20 phút cùng ngày, ông Lê Tổng L, sinh năm 1974 là trụ trì chùa A phát hiện bị mất trộm tiền nên đã đến Công an phường T, tỉnh Ninh Bình trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 03 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh khu vực xung quanh hiện trường ghi nhận hình ảnh diễn biến sự việc.

Bản kết luận giám định số 1006/KL-KTHS ngày 09/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp tin video gửi giám định.

Ngày 16-01-2026, Trần Đình C đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 bộ quần áo và 01 mũ lưỡi trai là trang phục C đã sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Số tiền 15.500.000 đồng trộm cắp được, C đưa cho mẹ là bà Nguyễn Thị P nhờ trả lại cho chùa A.

Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 15.500.000 đồng và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B3 - 140.24 do bà Nguyễn Thị P giao nộp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Lê Tổng L số tiền 15.500.000 đồng.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B3 -140.24 là của chị Trần Thị M, sinh năm 1989, trú tại thôn M, xã B, tỉnh Ninh Bình (chị gái C). Chị M không biết C sử dụng chiếc xe vào mục đích trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị M.

Vật chứng đã thu giữ được bảo quản, xử lý và chuyển giao theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số 141/CT-VKS-KV7 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình truy tố **Trần Đình C** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Trần Đình C** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Trần Đình C** theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); tuyên bố bị cáo **Trần Đình C** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; vấn đề dân sự: Không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại dạng hình trụ tròn, 01 bút thử điện bằng tua vít, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 áo khoác màu đen, 01 quần thun dài màu đen, 01 mũ lưỡi chai màu nâu, 01 ổ khóa bằng kim loại đã cũ

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) bị cáo **Trần Đình C**, bị hại được quyền làm đơn kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Công an phường T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình C và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Đình C, lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 15-01-2026 tại chùa A thuộc tổ dân phố A, phường T, tỉnh Ninh Bình, Trần Đình C đã có hành vi đã lén lút chiếm đoạt số tiền 15.500.000 đồng là tài sản của Chùa A. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo hộ, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[4]. Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng

hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vấn đề dân sự: Người đại diện theo pháp luật của **chùa A** là ông **Lê Tổng L** đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Xét thấy 01 thanh kim loại dạng hình trụ tròn, 01 bút thử điện bằng tua vít, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 ổ khóa bằng kim loại là tài sản của **chùa A**, ông **Lê Tổng L**, trụ trì **chùa A** đề nghị không nhận lại và tài sản đã cũ nên tịch thu tiêu hủy; 01 áo khoác màu đen, 01 quần thun dài màu đen, 01 mũ lưỡi chai màu nâu là tài sản của bị cáo, bị cáo đề nghị không nhận lại và tài sản đã cũ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7]. Các vấn đề khác: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B3 - 140.24 là tài sản của chị **Trần Thị M**, sinh năm 1989, trú tại **thôn M, xã B, tỉnh Ninh Bình** (chị gái **C**). Chị **M** không biết **C** sử dụng chiếc xe vào mục đích trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị **M** là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo **Trần Đình C** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2025); Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Đình C** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trần Đình C** 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16-01-2026.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 túi niêm phong mã số PS2 24112797 bên trong gồm: 1 thanh kim loại dạng hình trụ tròn, 01 bút thử điện bằng tua vít, 01 chiếc kéo bằng kim loại.

- 01 túi niêm phong mã số NS1 24112777 bên trong gồm: 01 áo khoác màu đen, 01 quần thun dài màu đen, 01 mũ lưỡi chai màu nâu.

- 01 túi niêm phong mã số NS4 24451196 bên trong gồm: 01 ổ khóa bằng kim loại.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17-4-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** và Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Ninh Bình).

2. Án phí: Bị cáo **Trần Đình C** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Trần Đình C** được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;

- Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

